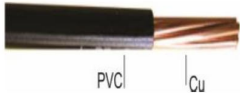
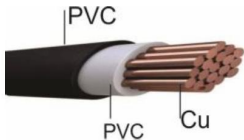


Ngày 05 tháng 10 năm 2024



BẢNG GIÁ SẢN PHẨM
CÁP ĐIỆN RUỘT DẪN ĐỒNG BỌC CÁCH ĐIỆN PVC

(Sản phẩm đạt chất lượng theo TCVN)

TÊN SẢN PHẨM	Cáp Đồng NTT bọc cách điện PVC			
	KẾT CẤU	ĐVT	ĐƠN GIÁ (VNĐ)	GHI CHÚ
CV 1.5 mm ²	7s/0,52	“	4.600	 Đồng/PVC
CV 2.5 mm ²	7s/0,67	“	7.900	
CV 4.0 mm ²	7s/0,85	“	12.200	
CV 6.0 mm ²	7s/1,05	“	18.000	
CV 8.0 mm ²	7s/1,20	“	23.500	
CV 10 mm ²	7s/1.35	“	29.000	
CV 11 mm ²	7s/1,40	“	31.500	
CV 14 mm ²	7s/1,60	“	40.000	
CV 16 mm ²	7s/1,70	“	45.000	
CV 22 mm ²	7s/2,00	“	63.000	 Đồng/PVC/PVC
CV 25 mm ²	7s/2,14	“	71.500	
CV 35 mm ²	7s/2,52	“	99.600	
CV 38 mm ²	19s/1,60	“	108.000	
CV 50 mm ²	19s/1,80	“	141.000	
CV 60 mm ²	19s/2,00	“	169.500	
CV 70 mm ²	19s/2,15	“	196.000	
CV 75 mm ²	19s/2,25	“	215.000	
CV 95 mm ²	19s/2,52	“	274.500	
CV 100 mm ²	19s/2,60	“	290.000	
CV 120 mm ²	37s/2,03	“	347.000	
CV 150 mm ²	37s/2,28	“	439.000	
CV 185 mm ²	37s/2,52	“	537.500	
CV 200 mm ²	37s/2,62	“	578.000	
CV 240 mm ²	61s/2,24	“	697.000	
CV 250 mm ²	61s/2,30	“	720.000	
CV 300 mm ²	61s/2,52	“	867.000	
CV 400 mm ²	61s/2,90	“	1.154.000	
CÁP DUPLEX	Kết cấu	ĐƠN GIÁ		Ghi chú
Duplex CV6	7s/1.05 x 2c	36.500		 Xám - Đen
Duplex CV8	7s/1.20 x 2c	47.500		
Duplex CV11	7s/1.40 x 2c	63.500		

- Đơn giá trên chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng (VAT 10%) & phí thử nghiệm sản phẩm của Trung Tâm Kỹ Thuật Tiêu Chuẩn Đo Lường Chất Lượng 3 (Quatest 3)



Ngày 05 tháng 10 năm 2024

DÂY CÁP PHA ĐỒNG CỨNG NTT CÁCH ĐIỆN PVC & VỎ BẢO VỆ PVC

(Sản phẩm đạt chất lượng theo TCVN)



TÊN SẢN PHẨM	KẾT CẤU	ĐVT	ĐƠN GIÁ (VNĐ)
2 PHA			
CVV 2 x 1.5mm ²	2x7s/0.52	Mét	13.800
CVV 2 x 2.5mm ²	2x7s/0.67	“	21.200
CVV 2 x 4.0mm ²	2x7s/0.86	“	31.800
CVV 2 x 6.0mm ²	2x7s/1.05	“	45.200
CVV 2 x 8.0mm ²	2x7s/1.20	“	58.800
CVV 2 x 10mm ²	2x7s/1.35	“	73.000
3 PHA			
CVV 3 x 1.5mm ²	3x7s/0.52	“	20.000
CVV 3 x 2.5mm ²	3x7s/0.67	“	30.400
CVV 3 x 4.0mm ²	3x7s/0.86	“	45.000
CVV 3 x 6.0mm ²	3x7s/1.05	“	64.700
CVV 3 x 8.0 mm ²	3x7s/1.20	“	85.000
CVV 3 x 10mm ²	3x7s/1.35	“	106.000
4 PHA (BẰNG NHAU)			
CVV 4 x 1.5mm ²	4x7s/0.52	“	26.200
CVV 4 x 2.5mm ²	4x7s/0.67	“	39.700
CVV 4 x 4.0mm ²	4x7s/0.86	“	59.800
CVV 4 x 6.0mm ²	4x7s/1.05	“	85.500
CVV 4 x 8.0 mm ²	4x7s/1.20	“	107.700
CVV 4 x 10 mm ²	4x7s/1.35	“	135.500
3 PHA + 1 PHA NHỎ			
CVV 3x11 + 1x6.0	3x7s/1.4+7s/1.05	Mét	130.000
CVV 3x16 + 1x8.0	3x7s/1.70+7s/1.20	“	181.000
CVV 3x22 + 1x11	3x7s/2.00+7s/1.40	“	244.000
CVV 3x25 + 1x11	3x7s/2.14+7s/1.40	“	271.000
CVV 3x35 + 1x16	3x7s/2.50+7s/1.70	“	381.000
CVV 3x50 + 1x25	3x19s/1.8+7s/2.14	“	536.000

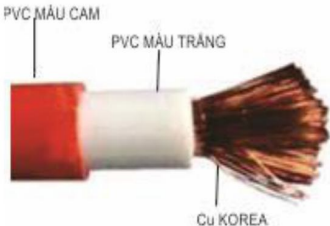
* Đơn giá trên chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng (VAT 10%) & phí thử nghiệm sản phẩm của Trung Tâm Kỹ Thuật Tiêu Chuẩn Đo Lường Chất Lượng 3 (Quatest 3)



Ngày 05 tháng 10 năm 2024

DÂY CÁP HÀN

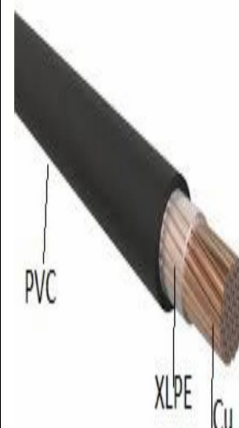
BỌC CÁCH ĐIỆN PVC (MÀU TRẮNG), VỎ BẢO VỆ PVC (MÀU CAM)
(Sản phẩm đúng tiết diện)

Tên sản phẩm (CuKOREA)	KẾT CẤU	Đơn giá(VNĐ/M)	
VCw 16mm ² (Cam)	320s/0.25mm	55.000	
VCw 25mm ² (Cam)	510s/0.25mm	83.000	
VCw 35mm ² (Cam)	715s/0.25mm	113.000	
VCw 50mm ² (Cam)	1020s/0.25mm	159.000	
VCw 70mm ² (Cam)	1400s/0.25mm	213.500	
VCw 95mm ² (Cam)	1940s/0.25mm	290.000	

Ngày 05 tháng 10 năm 2024

CÁP ĐIỆN LỰC LỖI ĐỒNG BỌC CÁCH ĐIỆN XLPE, VỎ BỌC PVC – 0.6/1KV

(Sản phẩm đạt chất lượng theo TCVN)

TÊN SẢN PHẨM	Cáp Đồng NTT bọc cách điện XLPE, vỏ bọc PVC			
	KẾT CẤU	ĐVT	ĐƠN GIÁ (VNĐ)	GHI CHÚ
CXV 16 mm²	7s/1,70	Mét	46.000	 PVC XLPE Cu
CXV 22 mm²	7s/2,00	“	64.000	
CXV 25 mm²	7s/2,14	“	73.000	
CXV 35 mm²	7s/2,52	“	101.000	
CXV 50 mm²	19s/1,80	“	143.000	
CXV 70 mm²	19s/2,15	“	198.000	
CXV 95 mm²	19s/2,52	“	276.500	
CXV 120 mm²	37s/2,03	“	349.000	
CXV 150 mm²	37s/2,28	“	441.000	
CXV 185 mm²	37s/2,52	“	539.500	
CXV 200 mm²	37s/2,62	“	580.000	
CXV 240 mm²	61s/2,24	“	699.000	
CXV 300 mm²	61s/2,52	“	870.000	

3 PHA +1 PHA NHỎ

CXV 3x16 + 1x10	3x7s/1.70+7s/1.35	Mét	185.000
CXV 3x25 + 1x11	3x7s/2.14+7s/1.40	“	275.000
CXV 3x35 + 1x16	3x7s/2.50+7s/1.70	“	387.000
CXV 3x50 + 1x25	3x19s/1.8+7s/2.14	“	543.000

* Đơn giá trên chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng (VAT 10%) & phí thử nghiệm sản phẩm của Trung Tâm Kỹ Thuật Tiêu Chuẩn Đo Lường Chất Lượng 3 (Quatest 3)

❖ Sản phẩm cung cấp theo yêu cầu thị trường

Cáp Đồng, Cách Điện PVC 0.6/1KV	Đơn Giá (VNĐ / Mét)		
	ĐỒNG CHẤT LƯỢNG		
CV 6	7s/1,05	17.000	Đồng/PVC
CV 8	7s/1,20	22.500	“
CV 11	7s/1,40	30.500	“
CV 14	7s/1,60	39.000	“
CV 16	7s/1,70	44.000	“
CV 22	7s/2,00	61.200	Đồng/PVC/PVC
CV 25	7s/2,10	69.000	“
CV 35	7s/2,50	97.000	“
CV 38	19s/1,60	104.500	“
CV 50	19s/1,80	136.700	“
CV 60	19s/2,00	164.300	“
CV 70	19s/2,15	189.700	“
CV 75	19s/2,25	208.000	“
CV 95	19s/2,50	265.000	“
CV 100	19s/2,60	279.000	“
CV 120	37s/2,00	332.500	“
CV 150	37s/2,25	421.500	“
CV 200	37s/2,60	558.000	“

CÁP DUPLEX < ĐỒNG CHẤT LƯỢNG >

Tên sản phẩm	Đơn Giá (VNĐ / Mét)		
	Loại I	Loại II	Loại III
Duplex 6	34.500	31.800	
Duplex 8	45.500	38.800	34.000
Duplex 11	61.500	50.400	45.000

DÂY CÁP PHA CỨNG < ĐỒNG CHẤT LƯỢNG >

TÊN SẢN PHẨM	KẾT CẤU	ĐƠN GIÁ (VNĐ/MÉT)
CVV 3 x 8.0+ 1 x 4.0	3x7s/1,2+1x7s/0.86	93.000
CVV 3 x 11 + 1 x 6.0	3x7s/1,4+1x7s/1,05	126.000
CVV 3 x 16 + 1 x 8.0	3x7s/1,7+1x7s/1,20	175.000
CVV 3 x 22 + 1 x 11	3x7s/2,0+1x7s/1,40	235.000
CVV 3 x 25 + 1 x 11	3x7s/2,1+1x7s/1,40	258.000
CVV 3 x 35 + 1 x 14	3x7s/2,5+1x7s/1,60	355.000
CVV 3 x 50 + 1 x 22	3x19s/1,8+1x7s/2,00	510.000

* Đơn giá trên chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng (VAT 10%)

DÂY & CÁP PHA LỖI ĐỒNG MỀM, CÁCH ĐIỆN PVC 0,6/1KV

(Sản phẩm cung cấp theo yêu cầu thị trường)

DÂY ĐƠN MỀM (CuKOREA)	ĐƠN GIÁ	
	LOẠI 1 <ĐÚNG TIẾT DIỆN>	LOẠI 2
VCm 1.0	194.000 (1kg ~ 55.5 mét)	182.000 (1kg ~ 83.3 mét)
VCm 1.5	210.000 (1kg ~ 43.5 mét)	189.000 (1kg ~ 58.8 mét)
VCm 2.5	227.000 (1kg ~ 27.8 mét)	214.000 (1kg ~ 41.7 mét)
VCm 4.0	228.000 (1kg ~ 17.6 mét)	215.000 (1kg ~ 27.7 mét)
VCm 6.0	231.000 (1kg ~ 12.8 mét)	225.000 (1kg ~ 20.8 mét)
VCm 8.0	27.000/mét	17.500/mét
VCm 10	32.300/mét	20.200/mét
VCm 16	49.800/mét	27.700/mét
VCm 25	79.700/mét	41.000/mét

CÁP PHA MỀM XÁM VÀ ĐEN

*** VVCm LOẠI I <CUKOREA> ĐÚNG TIẾT DIỆN**

2 Pha		3 Pha		4 Pha			Ghi Chú
2x1.0	10.000	3x1.0	15.200	4x1.0	3x1.0+1x1.0	18.600	Vỏ Màu Xám
2x1.5	14.000	3x1.5	20.600	4x1.5	3x1.5+1x1.0	26.000	“
2x2.5	22.000	3x2.5	31.500	4x2.5	3x2.5+1x1.0	35.000	“
2x4.0	34.000	3x4.0	47.500	4x4.0	3x4.0+1x1.5	55.000	“
2x6.0	47.400	3x6.0	67.400	4x6.0	3x6.0+1x2.5	78.500	“
2x8.0	63.300	3x8.0	90.000	4x8.0	3x8.0+1x4.0	104.000	Vỏ Màu Đen
2x10	78.500	3x10	114.000	4x10	3x10+1x6.0	134.000	“
2x16	115.000	3x16	169.000	4x16	3x16+1x8.0	197.000	“
		3x25	261.000	4x25	3x25+1x10	295.000	“
		3x35	359.000	4x35	3x35+1x16	413.000	“
		3x50	504.000	4x50	3x50+1x25	591.000	“
		3x70	696.000				
		3x95	997.000				

**** VVCm LOẠI II <CUKOREA>**

2 Pha		3 Pha		4 Pha		5 Pha (đen)		7 Pha (đen)		Ghi chú
2x1.0	7.100	3x1.0	10.300	4x1.0	12.500	5x1.0	18.300	7x1.0	23.500	Vỏ màu Xám (Đen)
2x1.5	9.300	3x1.5	13.400	4x1.5	16.300	5x1.5	22.000	7x1.5	30.300	
2x2.5	14.000	3x2.5	20.000	4x2.5	22.300	5x2.5	35.000	7x2.5	44.300	
2x4.0	19.600	3x4.0	27.600	4x4.0	30.800	5x4.0	46.600	7x4.0	59.400	
2x6.0	29.600	3x6.0	41.400	4x6.0	46.600	5x6.0	70.000	7x6.0	91.000	
2x8.0	39.800	3x8.0	57.000	4x8.0	64.600					Vỏ màu Đen
2x10	48.800	3x10	70.000	4x10	80.600					
2x16	66.700	3x16	98.000	4x16	118.800					
2x25	96.000	3x25	147.000	4x25	167.000					
		3x35	200.000	4x35	236.500					
		3x50	275.600	4x50	327.500					
		3x70	420.000	4x100	634.000					

- Đơn giá trên chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng (VAT 10%)

DÂY CÁP HÀN

BỌC CÁCH ĐIỆN PVC, VỎ BẢO VỆ PVC 0,6/ 1KV <CUKOREA>

(Sản phẩm cung cấp theo yêu cầu thị trường)

LOẠI I *

Tên sản phẩm	Đơn giá(VNĐ/M)
HITHACO - VCw 25	42.500
HITHACO - VCw 35	59.500
HITHACO - VCw 50	92.000
HITHACO - VCw 70	131.000

LOẠI II **

Tên sản phẩm	Đơn giá(VNĐ/M)
HITHA - VCw 25	33.000
HITHA - VCw 35	49.000
HITHA - VCw 50	65.000
HITHA - VCw 70	97.500

LOẠI III <THƯỜNG>***

Tên sản phẩm	Đơn giá(VNĐ/M)
HT - VCw 25	25.200
HT - VCw 35	35.500
HT - VCw 50	43.500
HT - VCw 70	64.000

CÁP NHÔM BỌC CÁCH ĐIỆN PVC 0.6/1kV

(Sản phẩm theo yêu cầu thị trường)

Cáp Nhôm 0.6/1kV	LOẠI 1 (ĐEN)		LOẠI 2 (ĐEN)
	KẾT CẤU	ĐƠN GIÁ (VNĐ/M)	ĐƠN GIÁ (VNĐ/M)
AV 16	7s/1.7	5.500	4.700
AV 25	7s/2.1	7.600	6.400
AV 35	7s/2.5	10.300	9.500
AV 50	7s/3.0	14.600	13.400
AV 70	7s/3.5	19.800	18.800
AV 95	19s/2.5	27.600	
AV 120	19s/2.8	33.700	

DUPLEX NHÔM	LOẠI 1		LOẠI 2
D-AV 16	7s/1.7	11.500	9.800
D-AV 25	7s/2.1	15.700	13.300
D-AV 35	7s/2.5	21.000	19.500

- Đơn giá trên chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng (VAT 10%)